

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**  
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental  
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu (Importer): **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ**

Địa chỉ (Address): **Số 990, Đường Xa lộ Hà Nội, KP 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): **Máy rải bê tông nhựa**

Nhãn hiệu (Trade mark): **VOGELE**

Mã kiểu loại (Model code): **14.82**

Tên thương mại (Commercial name): **SUPER 1800-3**

Số khung (Chassis N<sup>o</sup>): **14820090**

Số động cơ (Engine N<sup>o</sup>): **22100838**

Nước sản xuất (Production country): **GERMANY**

Năm sản xuất (Production year): **2014**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N<sup>o</sup>/date): **104935875332/29/08/2022**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): **08/09/2022 / Tỉnh Đồng Nai**

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N<sup>o</sup>): **012956/22MC-063/001**

Số đăng ký kiểm tra (Registered N<sup>o</sup> for inspection): **012956/22MC**

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN**  
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

**19700** kg

Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):

**6000 x 2550 x 3860** mm

Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):

**QSB6.7, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng**

Loại nhiên liệu (Fuel):

**Diesel**

Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):

**127/2000** kW/rpm

Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):

**4,5** km/h

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG**  
(Special technical specification)

Chiều rộng vệt rải lớn nhất (Max paving width):

**6500** mm

Chiều dày lớp rải lớn nhất (Max paving thickness):

**300** mm

Vận tốc rải (Paving speed):

**24,0** m/phút

Năng suất rải (Paving capacity):

**---(\*)** m<sup>3</sup>/h

**Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.**

*This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars N<sup>o</sup> 89/2015/TT-BGTVT to be issued on Dec 31<sup>st</sup> 2015 by Minister of Ministry of Transport.*

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2022

**Cơ quan kiểm tra**

(Inspection body)

**TL. CỤC TRƯỞNG**

**KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Ghi chú (Remarks):**(\*) Năng suất rải: 700 (tấn/giờ).

**Hoàng Quân**